TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:185/2018/HNGĐ-ST
Ngày:05/9/2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa*: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**
2. Ông **TRẦN THANH TÙNG**
- *Thư ký phiên Tòa:* Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp *"xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 và giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **LÊ THỊ YẾN N,** sinh năm 1999
Địa chỉ: ấp HV, xã HT, huyện CB, tỉnh TG.
Bị đơn:* Anh **LÊ HOÀNG T, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp AT, xã AC, huyện CB, tỉnh TG.
(Chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 17/7/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn chị Lê Thị Yến N trình bày:

Chị và anh T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2016, không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới về sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị là do vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh T không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, anh chị hàn gắn nhiều lần nhưng không thành nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị xin ly hôn anh T.

+ Về con chung : Anh chị có 01 con chung tên Lê Hoàng Yến V, sinh ngày 16/7/2016, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu V, anh không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Theo tờ tự khai đề ngày 16/8/2018 phía bị đơn anh Lê Hoàng T trình bày:

Anh và chị N xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân, nguyên nhân do bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị có 01 con chung theo lời chị N trình bày là đúng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, anh đồng ý để chị Nhi tiếp tục nuôi con chung, anh không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên, còn anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Lê Hoàng T có đơn xin giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân : Chị Lê Thị Yến N và anh Lê Hoàng T chung sống với nhau từ năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Theo lời chị N khai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ thời gian đó đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi nhau, nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành nên đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, nay chị xin ly hôn anh T. Phía anh T có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, tuy nhiên theo tờ tự khai anh cung cấp cho Tòa án đề ngày 16/8/2018 anh cũng xác định anh và chị N chung sống vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì mâu thuẫn do bất đồng nhiều quan điểm, nay anh cũng đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị N. Xét thấy chị N và anh T đều có ý kiến thống nhất thỏa thuận ly hôn, tuy nhiên trong thời gian chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay anh, chị không có đăng ký kết hôn là vi phạm điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Lê Hoàng Yến V, sinh ngày 16/7/2016. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V, phía anh T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo tờ tự khai ngày 16/8/2018 anh cũng đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy từ khi chị N và anh T ly thân, cháu V do chị N nuôi dưỡng đã ổn định, cháu V phát triển tốt bình thường, mặc khác cháu V hiện nay dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy hội đồng xét xử nhận thấy để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của con chung và ổn định cuộc sống của cháu nên tiếp tục giao cháu V cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 Luật hôn nhân và gia đình .

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N xác định đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ ***Về quan hệ hôn nhân***:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Yến N và anh Lê Hoàng T.

2/ ***Về con chung***:

- Giao cháu Lê Hoàng Yến V, sinh ngày 16/7/2016 cho chị N nuôi dưỡng.

Anh Lê Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Hoàng T được quyền tới lui thăm con chung theo quy định của pháp luật.

3/ ***Về tài sản chung***: Không có.

4/ ***Về nợ chung***: Không có.

5/ ***Về án phí***:

Chị Lê Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 09067 ngày 31/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị đã thi hành xong và không phải nộp tiếp.

Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

Nôi nhaän:
- *TAND Tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND Huyện Cái Bè*;
- *Chi cuïc THADS Huyện Cái Bè;*
- *UBND các xã : Hậu Thành, An Cư;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH